

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/DSPT

Ngày: 27/9/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Trường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Ông Nguyễn Văn Tính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DSST, ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2022/QĐ-PT, ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình Tr, sinh năm 1976 (có mặt).

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Văn Xuyên và bà Nguyễn Thị Lan - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Thành Long, chi nhánh Bắc Ninh, đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1971 (có mặt).

Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Tùng - Luật sư Công ty Luật TNHH Tùng Bách Diệp, đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn Anh Nguyễn Đình Tr và Chị Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là Anh Nguyễn Đình Tr, Chị Nguyễn Thị L trình bày:

Vợ chồng anh chị và vợ chồng anh Th, chị Ng là người nhà vì chị Ng là chị gái Anh Tr. Khoảng đầu năm 2018, anh chị có cho vợ chồng anh Th, chị Ng vay tiền nhiều lần. Mỗi lần anh chị cho vay từ 100.000.000đ đến 300.000.000đ. Mới đầu, anh Th, chị Ng vay một thời gian ngắn sau lại trả rồi lại vay. Tổng cộng số tiền anh Th, chị Ng còn nợ anh chị là 900.000.000đ. Mục đích anh Th, chị Ng vay tiền anh chị là để kinh doanh gỗ.

Đến tháng 3 năm 2019, anh chị có bán nửa thửa đất, anh chị lại cho anh Th, chị Ng vay tiền và vay nhiều lần, mỗi lần cho vay từ 200.000.000đ đến 300.000.000đ. Anh chị cho anh Th, chị Ng vay số tiền lần này là 1.100.000.000đ. Mục đích vay để anh Th kinh doanh gỗ.

Tổng số tiền vợ chồng anh cho vợ chồng anh Th, chị Ng vay là 2.000.000.000đ.

Vì là anh chị em ruột nên việc vay nợ giữa vợ chồng anh với vợ chồng anh Th chỉ đưa tay không có giấy tờ gì. Lãi suất do anh Th tự trả từ 1% đến 1,5%/tháng, vay không có thời hạn. Hàng tháng, anh Th, chị Ng đều trả lãi cho anh chị, anh chị không nhớ số tiền lãi anh Th, chị Ng trả là bao nhiêu vì mỗi lần trả chỉ đưa tay mà không có giấy tờ gì. Anh Th, chị Ng trả lãi cho anh chị đến hết tháng 7 năm 2019 âm lịch và sau đó không trả nữa. Do từ tháng 8 năm 2019 anh Th, chị Ng không trả lãi cho anh chị nữa anh chị bắt đầu đòi thì anh Th, chị Ng có nói bán đất cho anh chị nhưng anh chị không lấy và bảo vợ chồng anh Th anh chị cho nợ thêm một năm nếu sau một năm không trả được anh chị sẽ lấy đất.

Cho đến tháng 8 năm 2020 âm lịch, anh Th, chị Ng mới trả được cho anh chị số tiền 40.000.000đ. Khi trả chỉ đưa tay mà không viết giấy tờ gì.

Anh chị có yêu cầu anh Th, chị Ng trả bằng đất thì anh Th, chị Ng đòi giá cao nên anh chị không lấy được và sau này anh Th, chị Ng không có ý định trả nữa.

Nay anh chị khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Th, chị Ng phải trả anh chị số tiền gốc là 1.960.000.000đ và anh chị không yêu cầu anh Th, chị Ng phải trả anh chị tiền lãi.

Bị đơn là Anh Nguyễn Đức Th và người đại diện theo ủy quyền của anh Th là ông Nguyễn Xuân Tùng trình bày: Anh Tr là em trai của chị Ng. Anh Th làm nghề đồ gỗ mỹ nghệ. Cách đây 04 năm, anh Th có vay tiền của Chị L với mục đích mua gỗ về pha để làm đồ mỹ nghệ. Vì chỉ vay nóng nên vay không có lãi suất và không thời hạn. Anh Th vay tiền nhiều lần cứ vay rồi lại trả rồi lại vay. Chị L cũng vay tiền của anh Th rồi sau đó lại trả. Vì là chỗ người nhà nên việc vay nợ chỉ đưa tay không có giấy tờ gì.

Việc anh Th vay tiền Chị L cũng như anh Th cho Chị L vay tiền anh Th không nói với chị Ng và Chị L cũng không nói gì với chị Ng.

Việc anh Th vay tiền Chị L đến nay anh Th đã trả hết cho Chị L và Chị L vay tiền của anh Th Chị L đã trả hết cho anh Th. Việc cho vay giữa anh Th và Chị L, chị Ng không biết. Anh xác định giữa hai bên đến nay không ai còn nợ nần ai nữa.

Do vậy, Anh Tr, Chị L khởi kiện anh chị yêu cầu anh chị trả số tiền gốc là 1.960.000.000đ anh chị không đồng ý vì anh chị không còn nợ gì Anh Tr, Chị L nữa.

Bị đơn là Chị Nguyễn Thị Ng trình bày: Chị là chị gái Anh Tr, chồng chị là anh Th làm nghề đồ gỗ mỹ nghệ. Việc anh Th vay tiền Anh Tr, Chị L như nào chị không biết vì chồng chị không nói gì với chị về việc này và Anh Tr, Chị L cũng không nói cho chị biết việc anh Th vay tiền Anh Tr, Chị L. Chị không biết mục đích anh Th vay tiền để làm gì vì kinh tế trong nhà cũng như mọi thu chi trong nhà hay kinh doanh đều do anh Th quản lý. Đến khoảng giữa năm 2020, vợ chồng Anh Tr, Chị L sang nhà chị đòi tiền thì chị mới biết việc anh Th vay tiền của Anh Tr, Chị L.

Nay vợ chồng Anh Tr, Chị L yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền gốc là 1.960.000.000đ chị không đồng ý vì chị không vay tiền Anh Tr, Chị L.

Từ những nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 274; 275; 463; 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 235; 264; 266; 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của Anh Nguyễn Đình Tr, Chị Nguyễn Thị L yêu cầu Anh Nguyễn Đức Th, Chị Nguyễn Thị Ng phải trả số tiền 1.960.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/5/2022, nguyên đơn là Anh Nguyễn Đình Tr và Chị Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn là Anh Nguyễn Đình Tr, Chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và Anh Tr,

Chị L đề nghị giám định giọng nói của anh Th, chị Ng trong file ghi âm được sao ra USB.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã cho mở file ghi âm và mọi người tham gia phiên tòa cùng nghe. Sau khi nghe anh Th thừa nhận giọng nói trong file ghi âm vừa mở là của anh và vợ anh. Do vậy, phía nguyên đơn là Chị L không đề nghị Hội đồng xét xử đi giám định giọng nói nữa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Việc vay nợ là có thật. Do các bên có quan hệ họ hàng nên tin tưởng nhau. Khi cho nhau vay tiền không có giấy tờ gì về việc vay tiền. Trong file ghi âm thể hiện anh Th không chối việc vay nợ và có nói đến việc gán nhà đất để trả nợ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của Anh Tr, Chị L.

Bị đơn giữ nguyên quan điểm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Anh Nguyễn Đình Tr, Chị Nguyễn Thị L nộp trong hạn luật định đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Theo nguyên đơn là Anh Tr, Chị L trình bày vào năm 2018, anh chị có cho vợ chồng anh Th, chị Ng vay tiền làm nhiều lần cứ mỗi lần vay từ 100.000.000đ đến 300.000.000đ. Sau đó anh Th, chị Ng trả rồi sau đó lại vay. Tổng cộng lần vay này anh Th, chị Ng còn nợ anh chị tổng số tiền 900.000.000đ.

Sau đó, năm 2019, anh chị có bán nửa thửa đất thì anh chị lại cho anh Th, chị Ng vay tiền và cũng vay làm nhiều lần với tổng số tiền vay 1.100.000.000đ.

Cả hai lần vay giữa vợ chồng anh chị và vợ chồng anh Th, chị Ng đều không viết giấy vay vì là anh chị em trong nhà. Mục đích vay để anh Th kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ. Anh Th có trả lãi cho anh chị từ 1% đến 1,5%/tháng. Việc vay không có thời hạn.

Sau đó, hàng tháng anh Th có trả lãi cho vợ chồng anh chị, hết tháng 7 (âm lịch) năm 2019 thì không trả lãi nữa. Tháng 8 (âm lịch) năm 2019, anh chị có đòi tiền anh Th, chị Ng thì anh Th, chị Ng có nói bán đất cho anh chị nhưng anh chị không lấy và nói cho anh Th, chị Ng nợ thêm một năm nữa. Đến tháng 8 năm 2020, anh Th, chị Ng trả thêm cho vợ chồng anh chị được 40.000.000đ. Việc anh Th, chị Ng trả anh chị chỉ đưa tay không có giấy tờ gì. Do đó, Anh Tr, Chị L đề nghị Tòa án buộc anh Th, chị Ng trả anh chị số tiền gốc là 1.960.000.000đ, anh chị không đề nghị trả lãi.

Phía bị đơn và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn trình bày: Anh Th thừa nhận cách đây 04 năm anh có vay tiền của Anh Tr, Chị L. Vì là vay nóng và là anh em trong nhà nên vay không có lãi suất và không có thời hạn. Giữa hai bên vay đi, vay lại nhiều lần rồi lại trả. Việc vay giữa hai bên chỉ đưa tay chứ không có giấy tờ gì. Nay bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung trên bản án sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bản án sơ thẩm xử như vậy là có căn cứ. Bởi: Theo lời trình bày của nguyên đơn cũng như bị đơn đều thừa nhận trong năm 2018, 2019, giữa Anh Tr, Chị L và anh Th, chị Ng có quan hệ vay mượn nhau tiền. Mục đích vay để kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ. Giữa hai bên khi vay không có giấy tờ gì. Phía nguyên đơn cho rằng vì vay nóng và là người nhà nên vay không có lãi nhưng phía bị đơn cho rằng vay có lãi nhưng bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh là vay có lãi nên cần xác định là hợp đồng vay tài sản không có lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn là Anh Tr, Chị L đã nộp cho Tòa án hai vi bằng do văn phòng thừa phát lại Tây Đô lập ngày 10/11/2021. Nội dung Anh Tr, Chị L cung cấp hai file ghi âm: Một file ghi vào ngày 01/12/2020 với thời lượng 27 phút 04 giây và một file ghi vào ngày 05/3/2021, cả hai file đều được ghi bằng điện thoại cá nhân sau đó sao chép sang máy tính cá nhân, sao chép lưu chuyển sang USB và cung cấp lại cho thừa phát lại Nguyễn Xuân An. Trong hai vi bằng do văn phòng thừa phát lại Tây Đô lập trong 01 file ghi âm có giọng nói của hai người đàn ông và một người phụ nữ, 01 file ghi âm có giọng nói của hai người đàn ông và hai người phụ nữ. Thế nhưng ở cả 02 file ghi âm đều không thể hiện được việc anh Th, chị Ng vay số tiền cụ thể là 2.000.000.000 đồng của Anh Tr, Chị L cũng như không đề cập được đến số tiền lãi mà hai bên thỏa thuận với nhau. Bên cạnh đó, bị đơn là anh Th, chị Ng cũng không thừa nhận rằng đó là giọng nói của mình và hai bên cũng không yêu cầu trưng cầu giám định để xác định giọng nói. Ngoài ra phía nguyên đơn không giao nộp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh được khoản vay của anh Th, chị Ng và phía bên bị đơn cũng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì

vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Anh Tr, Chị L đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để giám định giọng nói trong file ghi âm mà anh chị đã sao ra USB. Hội đồng xét xử đã mở file ghi âm cho các đương sự nghe tại phiên tòa. Bị đơn là anh Th thừa nhận giọng nói trong file ghi âm mở tại phiên tòa chính là giọng nói của anh và vợ anh. Vì vậy, Anh Tr, Chị L không đề nghị Hội đồng xét xử giám định giọng nói trong file ghi âm nữa. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định không tạm ngừng phiên tòa và tiếp tục xét xử.

Tuy nhiên nội dung được mở tại phiên tòa cũng không thể hiện việc anh Th, chị Ng thừa nhận có vay tiền của Anh Tr, Chị L. Do đó, không có căn cứ nào chứng minh việc Anh Tr, Chị L cho vợ chồng anh Th vay tiền.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Anh Tr, Chị L kháng cáo toàn bộ bản án nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới nên kháng cáo của Anh Tr, Chị L không có căn cứ để chấp nhận nên cần bác toàn bộ kháng cáo của Anh Tr, Chị L.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Anh Tr, Chị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 274; 275; 463; 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 235; 264; 266; 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của Anh Nguyễn Đình Tr, Chị Nguyễn Thị L yêu cầu Anh Nguyễn Đức Th, Chị Nguyễn Thị Ng phải trả số tiền 1.960.000.000đ.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đình Tr, Chị Nguyễn Thị L phải chịu 70.800.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận Anh Tr, Chị L đã nộp 35.400.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0001342, ngày 29/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Anh Tr, Chị L còn phải nộp tiếp 35.400.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Tr, Chị L mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận Anh Tr, Chị L mỗi người đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004315 và 0004316 cùng ngày 10/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trọng Trường

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tính - Nguyễn Thanh Bình

Nguyễn Trọng Trường